

I. Trắc nghiệm (5 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Sản phẩm bài tiết của thận là gì?

- A. Mồ hôi. B. Nước tiểu. C. Phân. D. Nước mắt.

Câu 2: Trong cấu tạo của da người, thành phần nào chỉ bao gồm những tế bào chết xếp sát nhau?

- A. Tầng sừng. B. Cơ co chân lông.
C. Thụ quan. D. Lớp mỡ.

Câu 3: Tại sao thoát vị đĩa đệm lại có triệu chứng đau?

- A. Đầu xương va chạm vào nhau. B. Dây thần kinh bị chèn ép.
C. Dây thần kinh bị xoắn lại. D. Bao dịch khớp bị dò.

Câu 4: Đơn vị chức năng của thận không bao gồm thành phần nào sau đây?

- A. Ống thận. B. Ống góp. C. Cầu thận. D. Nang cầu thận.

Câu 5: Có bao nhiêu đôi dây thần kinh tủy?

- A. 30 B. 31 C. 24 D. 12

Câu 6: Dây thần kinh tủy thực hiện chức năng nào?

- A. Dẫn truyền xung thần kinh. B. Cảm giác.
C. Vận động D. Xử lí thông tin.

Câu 7: Cơ quan nào sau đây không phải cơ quan trả lời kích thích:

- A. da. B. chân. C. tay. D. dây thần kinh.

Câu 8: Quá trình hình thành nước tiểu chính thức diễn ra ở:

- A. cầu thận. B. bóng đái C. nang cầu thận. D. ống thận.

Câu 9: Thông thường, lượng nước tiểu trong bóng đái đạt đến thể tích bao nhiêu thì cảm giác buồn đi tiểu sẽ xuất hiện?

- A. 600 ml B. 50 ml C. 1000 ml D. 200 ml

Câu 10: Bộ phận nào có vai trò dẫn nước tiểu từ bể thận xuống bóng đái?

- A. Ống thận. B. Ống đái.
C. Ống góp. D. Ống dẫn nước tiểu.

Câu 11: Hoạt động của bộ phận nào giúp da luôn mềm mại và không bị thấm nước?

- A. Tuyến nhờn. B. Thụ quan.
C. Tầng tế bào sống. D. Tuyến mồ hôi

Câu 12: Để tăng cường sức chịu đựng của làn da, chúng ta có thể áp dụng biện pháp nào sau đây?

- A. Thường xuyên tập thể dục, thể thao dưới trời nắng.
- B. Tắm nắng thường xuyên vào buổi trưa.
- C. Tắm nắng vào sáng sớm (6 – 7 giờ vào mùa hè hoặc 8 – 9 giờ vào mùa đông).
- D. Tắm nước lạnh thường xuyên.

Câu 13: Tác nhân nào dưới đây không gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu?

- A. Vi sinh vật gây bệnh.
- B. Các chất độc có trong thức ăn.
- C. Khẩu phần ăn uống không hợp lí.
- D. Ăn uống hợp lí, hợp vệ sinh.

Câu 14: Để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu, chúng ta cần tránh điều gì sau đây?

- A. Không ăn thức ăn ôi thiu, nhiễm độc.
- B. Đi tiểu khi có nhu cầu.
- C. Ăn quá mặn, quá chua.
- D. Uống nước vừa đủ.

Câu 15: Thành phần của nước tiểu đầu có gì khác so với máu?

- A. Không chứa chất dinh dưỡng và các tế bào máu.
- B. Không chứa các chất cặn bã và các nguyên tố khoáng cần thiết.
- C. Không chứa các tế bào máu và prôtêin có kích thước lớn.
- D. Không chứa các ion khoáng và các chất dinh dưỡng.

Câu 16: Sợi thần kinh cảm giác nối với tủy bằng bộ phận nào?

- A. Rễ trước.
- B. Rễ sau.
- C. Hạch thần kinh.
- D. Bộ phận đặc trưng.

Câu 17: Lớp mỡ dưới da có vai trò chủ yếu là gì?

- A. Cách nhiệt.
- B. Dự trữ đường.
- C. Vận chuyển chất dinh dưỡng.
- D. Thu nhận kích thích từ môi trường ngoài.

Câu 18: Trong cấu tạo của da người, các sắc tố melanin phân bố ở đâu?

- A. Tầng tế bào sống.
- B. Tầng sừng.
- C. Tuyến nhờn.
- D. Tuyến mồ hôi.

Câu 19: Phương pháp không đúng để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu?

- A. Giữ gìn vệ sinh thân thể.
- B. Đi tiểu đúng lúc.
- C. Nhịn tiểu thời gian dài.
- D. Uống đủ nước.

Câu 20: Khi bị bỏng nhẹ, chúng ta cần phải thực hiện ngay thao tác nào sau đây?

- A. Bôi kem liền sẹ lên phần da bị bỏng.
- B. Băng bó vết bỏng bằng bông và gạc sạch.
- C. Ngâm phần da bị bỏng vào nước lạnh và sạch.
- D. Rửa vết thương trên vòi nước với xà phòng diệt khuẩn.

II. Trắc nghiệm (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Trình bày cấu tạo ngoài của đại não? Nêu biện pháp vệ sinh hệ thần kinh?

Câu 2 (2 điểm): So sánh cấu tạo và chức năng của trụ não và tiểu não?

Câu 3 (1 điểm): Tại sao nói dây thần kinh tủy là dây pha?

Chúc các em làm bài tốt!

Mã đề: 901

(Đề thi có 04 trang)

Môn: SINH HỌC 9

Tiết theo KHDH: 51 - Thời gian làm bài: 45 phút

Trắc nghiệm Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Yếu tố cơ bản nhất ảnh hưởng đến việc tăng hoặc giảm dân số ở quần thể người là gì?

- A. Tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong.
- B. Mật độ và lứa tuổi trong quần thể người.
- C. Mật độ dân số trên một khu vực nào đó.
- D. Tỉ lệ giới tính.

Câu 2: Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi:

- A. chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.
- B. chúng tạo ra nơi ở cho các sinh vật khác.
- C. chúng cung cấp nơi ở cho các sinh vật khác
- D. chúng cung cấp dinh dưỡng cho các sinh vật khác.

Câu 3: Động vật nào sau đây thuộc nhóm động vật ưa khô:

- A. Giun đất
- B. Thằn lằn
- C. Hà mã
- D. Hải cẩu

Câu 4: Nhận biên và cò làm tổ cùng nhau thành tập đoàn thuộc quan hệ:

- A. hợp tác
- B. cộng sinh
- C. kí sinh-nửa kí sinh
- D. hội sinh

Câu 5: Đâu được coi là quần thể sinh vật?

- A. Tập hợp các cá thể chuột đồng ngoài đồng ruộng.
- B. Tập hợp các cá thể cá mè, cá chép, cá trắm sống trong cùng một ao.
- C. Tập hợp các cá thể rắn hổ mang sống ở ba hòn đảo cách xa nhau.
- D. Tập hợp các cá thể hoa loa kèn, hoa hồng, hoa cúc trong một vườn hoa.

Câu 6: Cây sống nơi ẩm ướt, thiếu ánh sáng thường có đặc điểm:

- A. phiến lá mỏng, bản lá hẹp, mô giậu kém phát triển.
- B. phiến lá mỏng, bản lá rộng, mô giậu kém phát triển.
- C. phiến lá dày, bản lá hẹp, mô giậu kém phát triển.
- D. phiến lá dày, bản lá hẹp, mô giậu phát triển.

Câu 7: Thực vật nào sau đây có khả năng chịu hạn kém?

- A. Cây rêu
- B. Cây bắp cải
- C. Cây xoài
- D. Cây xương rồng

Câu 8: Người ta dùng biểu đồ hình tháp để biểu diễn:

- A. thành phần nhóm tuổi của quần thể.
- B. sự phân bố của quần thể.
- C. tỉ lệ giới tính của quần thể.
- D. mật độ quần thể.

Câu 9: Ví dụ về mối quan hệ sinh thái hỗ trợ hội sinh là:

- A. rận và bét sống bám trên da trâu, bò. Chúng sống được nhờ hút máu của trâu, bò.
- B. cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
- C. địa y sống bám trên cành cây.
- D. vi khuẩn sống trong nốt sần ở rễ cây họ Đậu.

Câu 10: Thực vật nào sau đây có khả năng chịu hạn tốt?

- A. Cây thài lài
- B. Cây bắp cải
- C. Cây rêu
- D. Cây nha đam

Câu 11: Ví dụ nào sau đây không phải là quần thể sinh vật?

- A. Cá chép, cá mè cùng sống chung trong một bể cá.
- B. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa.
- C. Tập hợp cá rô phi sống trong một cái ao.
- D. Rừng tre phân bố tại Vườn Quốc gia Cúc Phương, Ninh Bình.

Câu 12: Hiện tượng tăng dân số cơ học là do đâu?

- A. Tỷ lệ sinh cao hơn nhiều so với tỷ lệ tử vong.
- B. Lượng người xuất cư nhiều hơn lượng người nhập cư.
- C. Tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử vong bằng nhau.
- D. Số người nhập cư nhiều hơn lượng người xuất cư.

Câu 13: Những đặc điểm đều có ở quần thể người và các quần thể sinh vật khác là:

- A. Văn hoá, giáo dục, mật độ, sinh và tử.
- B. Hôn nhân, giới tính, mật độ.
- C. Giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh và tử.
- D. Giới tính, sinh sản, hôn nhân, văn hoá.

Câu 14: Những cây nào thuộc nhóm cây ưa bóng?

- A. Lá lốt, dong riềng.
- B. Bạch đàn, cây xoài, cây phượng, bằng lăng.
- C. Lá lốt, bạch đàn
- D. Lá lốt, dong riềng, bằng lăng.

Câu 15: Động vật nào sau đây thuộc nhóm động vật ưa ẩm:

- A. Bọ ngựa
- B. Thằn lằn
- C. Tắc kè
- D. Éch nhái

Câu 16: Nhóm tuổi nào của các cá thể không còn khả năng ảnh hưởng tới sự phát triển của quần thể?

- A. Nhóm trước sinh sản và nhóm sinh sản.
- B. Nhóm trước sinh sản và nhóm sau sinh sản.
- C. Nhóm tuổi sau sinh sản.
- D. Nhóm tuổi còn non và nhóm sau sinh sản.

Câu 17: Mật độ của quần thể được xác định bằng số lượng cá thể sinh vật có ở đâu?

- A. Một đơn vị diện tích hay thể tích.
- B. Một khu vực nhất định.
- C. Một khoảng không gian rộng lớn.
- D. Một đơn vị diện tích.

Câu 18: Yếu tố nào dưới đây là nhân tố hữu sinh:

- A. chế độ khí hậu, nước, ánh sáng.
- B. con người và các sinh vật khác.
- C. ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm.
- D. các sinh vật khác và ánh sáng.

Câu 19: Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với:

- A. nhân tố sinh thái hữu sinh.
- B. một nhân tố sinh thái nhất định.
- C. nhân tố sinh thái vô sinh.
- D. tất cả các nhân tố sinh thái.

Câu 20: Mối quan hệ sinh thái giữa hai loài sinh vật trong đó cả hai bên cùng có lợi:

- A. kí sinh.
- B. cộng sinh.
- C. hội sinh.
- D. cạnh tranh.

Câu 21: Loài sinh vật có tập tính di cư tránh lạnh là:

- A. vịt trời.
- B. hải sâm.
- C. đại bàng.
- D. gấu.

Câu 22: Số lượng cá thể trong quần thể tăng cao khi:

- A. xảy ra sự cạnh tranh gay gắt trong quần thể.
- B. dịch bệnh lan tràn.
- C. nguồn thức dồi dào và nơi ở rộng rãi.
- D. xuất hiện nhiều kẻ thù trong môi trường sống.

Câu 23: Động vật nào thuộc nhóm sinh vật biến nhiệt?

- A. Cừu B. Cú mèo C. Thằn lằn D. Hồ

Câu 24: Các nhân tố sinh thái vô sinh gồm có:

- A. ánh sáng, nhiệt độ, gỗ mục, cây gỗ.
 B. gỗ mục, ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm.
 C. nấm, gỗ mục, ánh sáng, độ ẩm.
 D. vi khuẩn, nấm, thực vật, động vật.

Câu 25: Nhân tố sinh thái được chia thành:

- A. nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố sinh thái hữu sinh, trong đó vi sinh vật thuộc nhóm nhân tố sinh thái vô sinh.
 B. nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố sinh thái con người.
 C. nhân tố sinh thái hữu sinh và nhân tố sinh thái con người.
 D. nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố sinh thái hữu sinh, trong đó nhân tố sinh thái con người thuộc nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh.

Câu 26: Tập hợp sinh vật nào dưới đây không phải là quần thể sinh vật tự nhiên?

- A. Các con ong mật trong một vườn hoa.
 B. Các con lợn nuôi trong một trại chăn nuôi.
 C. Các con sói trong một khu rừng.
 D. Các cây thông mọc tự nhiên trên một đồi thông.

Câu 27: Các cá thể trong quần thể được phân chia làm các nhóm tuổi nào?

- A. Ấu trùng, giai đoạn sinh trưởng và trưởng thành.
 B. Trước sinh sản, sinh sản và sau sinh sản.
 C. Trẻ, trưởng thành và già.
 D. Trước giao phối và sau giao phối.

Câu 28: Để góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, điều cần làm gì?

- A. Tăng cường và tận dụng khai thác nguồn tài nguyên.
 B. Xây dựng gia đình với qui mô nhỏ, mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con.
 C. Tăng tỉ lệ sinh trong cả nước.
 D. Chặt, phá cây rừng nhiều hơn.

Câu 29: Tảo gây tử vong cho nhiều loài tôm, cá... bằng cách tiết chất độc vào môi trường nước gây hiện tượng thủy triều đỏ thuộc quan hệ:

- A. cạnh tranh
 B. ức chế - cảm nhiễm
 C. đối địch
 D. sinh vật này ăn sinh vật khác

Câu 30: Hiện tượng rễ các cây cùng loài sống gần nhau nối liền nhau biểu thị mối quan hệ gì?

- A. Hội sinh B. Cộng sinh C. Hỗ trợ D. Cạnh tranh

Câu 31: Môi trường là gì?

- A. Tập hợp tất cả các yếu tố bao quanh sinh vật.
 B. Nguồn thức ăn cung cấp cho sinh vật.
 C. Các yếu tố về nhiệt độ, độ ẩm.
 D. Các yếu tố của khí hậu tác động lên sinh vật.



Mã đề: 902

(Đề thi có 04 trang)

Môn: SINH HỌC 9

Tiết theo KHDH: 51 - Thời gian làm bài: 45 phút

Trắc nghiệm Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Các nhân tố sinh thái vô sinh gồm có:

- A. nấm, gỗ mục, ánh sáng, độ ẩm. B. ánh sáng, nhiệt độ, gỗ mục, cây gỗ.
 C. vi khuẩn, nấm, thực vật, động vật. D. gỗ mục, ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm.

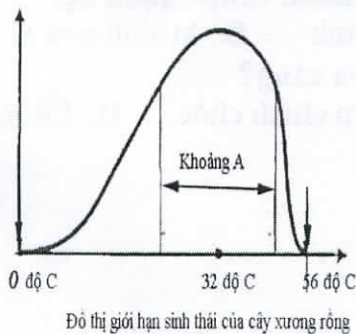
Câu 2: Động vật nào thuộc nhóm sinh vật biến nhiệt?

- A. Cú mèo B. Cừu C. Hổ D. Thằn lằn

Câu 3: Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với:

- A. tất cả các nhân tố sinh thái. B. một nhân tố sinh thái nhất định.
 C. nhân tố sinh thái hữu sinh. D. nhân tố sinh thái vô sinh.

Câu 4: Trong sơ đồ khoảng A được gọi là gì?



- A. Khoảng chịu đựng. B. Giới hạn sinh thái.
 C. Khoảng thuận lợi. D. Biên độ nhiệt.

Câu 5: Yếu tố cơ bản nhất ảnh hưởng đến việc tăng hoặc giảm dân số ở quần thể người là gì?

- A. Mật độ dân số trên một khu vực nào đó.
 B. Tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong.
 C. Mật độ và lứa tuổi trong quần thể người.
 D. Tỉ lệ giới tính.

Câu 6: Những đặc điểm đều có ở quần thể người và các quần thể sinh vật khác là:

- A. Hôn nhân, giới tính, mật độ. B. Văn hoá, giáo dục, mật độ, sinh và tử.
 C. Giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh và tử. D. Giới tính, sinh sản, hôn nhân, văn hoá.

Câu 7: Động vật nào sau đây thuộc nhóm động vật ưa ẩm:

- A. Bọ ngựa B. Thằn lằn C. Tắc kè D. Éch nhái

Câu 8: Yếu tố nào dưới đây là nhân tố hữu sinh:

- A. các sinh vật khác và ánh sáng. B. ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm.
 C. con người và các sinh vật khác. D. chế độ khí hậu, nước, ánh sáng.

Câu 9: Ví dụ dưới đây biểu hiện quan hệ đối địch là:

- A. sự tranh ăn cỏ của các con bò trên đồng cỏ.
 B. cáo đuổi bắt gà.
 C. tảo và nấm sống với nhau tạo thành địa y.
 D. vi khuẩn sống trong nốt sần của rễ cây họ đậu.

Câu 10: Môi trường là gì?

- A. Tập hợp tất cả các yếu tố bao quanh sinh vật.
- B. Các yếu tố của khí hậu tác động lên sinh vật.
- C. Các yếu tố về nhiệt độ, độ ẩm.
- D. Nguồn thức ăn cung cấp cho sinh vật.

Câu 11: Để góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, điều cần làm gì?

- A. Tăng tỉ lệ sinh trong cả nước.
- B. Tăng cường và tận dụng khai thác nguồn tài nguyên.
- C. Xây dựng gia đình với qui mô nhỏ, mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con.
- D. Chặt, phá cây rừng nhiều hơn.

Câu 12: Đâu được coi là quần thể sinh vật?

- A. Tập hợp các cá thể rắn hổ mang sống ở ba hòn đảo cách xa nhau.
- B. Tập hợp các cá thể hoa loa kèn, hoa hồng, hoa cúc trong một vườn hoa.
- C. Tập hợp các cá thể cá mè, cá chép, cá trắm sống trong cùng một ao.
- D. Tập hợp các cá thể chuột đồng ngoài đồng ruộng.

Câu 13: Nhận biết và cò làm tổ cùng nhau thành tập đoàn thuộc quan hệ:

- A. hợp tác
- B. hội sinh
- C. cộng sinh
- D. kí sinh-nửa kí sinh

Câu 14: Động vật nào sau đây thuộc nhóm động vật ưa sáng?

- A. Dơi.
- B. Diệc.
- C. Chim chích chòe.
- D. Cú mèo.

Câu 15: Số lượng cá thể trong quần thể tăng cao khi:

- A. xuất hiện nhiều kẻ thù trong môi trường sống.
- B. dịch bệnh lan tràn.
- C. nguồn thức dồi dào và nơi ở rộng rãi.
- D. xảy ra sự cạnh tranh gay gắt trong quần thể.

Câu 16: Mỗi quan hệ sinh thái giữa hai loài sinh vật trong đó cả hai bên cùng có lợi:

- A. cộng sinh.
- B. cạnh tranh.
- C. kí sinh.
- D. hội sinh.

Câu 17: Các cá thể trong quần thể được phân chia làm các nhóm tuổi nào?

- A. Trẻ, trưởng thành và già.
- B. Trước sinh sản, sinh sản và sau sinh sản.
- C. Ấu trùng, giai đoạn sinh trưởng và trưởng thành.
- D. Trước giao phối và sau giao phối.

Câu 18: Động vật nào sau đây thuộc nhóm động vật ưa khô:

- A. Thằn lằn
- B. Hà mã
- C. Hải cẩu
- D. Giun đất

Câu 19: Nhóm tuổi nào của các cá thể không còn khả năng ảnh hưởng tới sự phát triển của quần thể?

- A. Nhóm trước sinh sản và nhóm sau sinh sản.
- B. Nhóm trước sinh sản và nhóm sinh sản.
- C. Nhóm tuổi còn non và nhóm sau sinh sản.
- D. Nhóm tuổi sau sinh sản.

Câu 20: Nhân tố sinh thái được chia thành:

- A. nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố sinh thái con người.
- B. nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố sinh thái hữu sinh, trong đó vi sinh vật thuộc nhóm nhân tố sinh thái vô sinh.
- C. nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố sinh thái hữu sinh, trong đó nhân tố sinh thái con người thuộc nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh.
- D. nhân tố sinh thái hữu sinh và nhân tố sinh thái con người.

Câu 21: Những cây nào thuộc nhóm cây ưa bóng?

- A. Lá lốt, dong riềng.
- B. Lá lốt, dong riềng, bằng lăng.
- C. Lá lốt, bạch đàn
- D. Bạch đàn, cây xoài, cây phượng, bằng lăng.

Câu 22: Nhóm các loài sinh vật hằng nhiệt là:

- A. vi sinh vật, thực vật, ĐV không xương.
- B. lưỡng cư, thú, con người.
- C. chim, thú, con người.
- D. động vật, thực vật, con người.

Câu 23: Hiện tượng rễ các cây cùng loài sống gần nhau nối liền nhau biểu thị mối quan hệ gì?

- A. Hội sinh
- B. Cạnh tranh
- C. Cộng sinh
- D. Hỗ trợ

Câu 24: Các loại môi trường chủ yếu của sinh vật là gì?

- A. Đất, nước, trên mặt đất- không khí.
- B. Đất, nước và sinh vật.
- C. Đất, nước, trên mặt đất- không khí và sinh vật.
- D. Đất, trên mặt đất- không khí.

Câu 25: Hiện tượng tăng dân số cơ học là do đâu?

- A. Lượng người xuất cư nhiều hơn lượng người nhập cư.
- B. Tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử vong bằng nhau.
- C. Tỷ lệ sinh cao hơn nhiều so với tỷ lệ tử vong.
- D. Số người nhập cư nhiều hơn lượng người xuất cư.

Câu 26: Ví dụ về mối quan hệ sinh thái hỗ trợ hội sinh là:

- A. vi khuẩn sống trong nốt sần ở rễ cây họ Đậu.
- B. rận và bét sống bám trên da trâu, bò. Chúng sống được nhờ hút máu của trâu, bò.
- C. cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
- D. địa y sống bám trên cành cây.

Câu 27: Mật độ của quần thể được xác định bằng số lượng cá thể sinh vật có ở đâu?

- A. Một đơn vị diện tích hay thể tích.
- B. Một đơn vị diện tích.
- C. Một khu vực nhất định.
- D. Một khoảng không gian rộng lớn.

Câu 28: Tập hợp sinh vật nào dưới đây không phải là quần thể sinh vật tự nhiên?

- A. Các con sói trong một khu rừng.
- B. Các con lợn nuôi trong một trại chăn nuôi.
- C. Các con ong mật trong một vườn hoa.
- D. Các cây thông mọc tự nhiên trên một đồi thông.

Câu 29: Ví dụ nào sau đây không phải là quần thể sinh vật?

- A. Cá chép, cá mè cùng sống chung trong một bể cá.
- B. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa.
- C. Tập hợp cá rô phi sống trong một cái ao.
- D. Rừng tre phân bố tại Vườn Quốc gia Cúc Phương, Ninh Bình.

Câu 30: Thực vật nào sau đây có khả năng chịu hạn tốt?

- A. Cây rêu
- B. Cây thái lái
- C. Cây bắp cải
- D. Cây nha đam

Câu 31: Ý nghĩa của nhóm tuổi trước sinh sản trong quần thể là:

- A. không làm giảm khả năng sinh sản của quần thể.
- B. không ảnh hưởng đến sự phát triển của quần thể.
- C. làm giảm mật độ trong tương lai của quần thể.
- D. có vai trò chủ yếu làm tăng trưởng khối lượng và kích thước của quần thể.



Câu 32: Đặc điểm nào sau đây không được xem là điểm đặc trưng của quần thể?

- A. Thời gian hình thành của quần thể.
- B. Thành phần nhóm tuổi của các cá thể.
- C. Mật độ của quần thể.
- D. Tỷ lệ giới tính của các cá thể trong quần thể.

Câu 33: Loài sinh vật có tập tính di cư tránh lạnh là:

- A. đại bàng.
- B. gấu.
- C. hải sâm.
- D. vịt trời.

Câu 34: Những loài động vật thuộc nhóm động vật ưa tối là:

- A. cáo, dơi, cú mèo.
- B. cáo, dơi, chồn.
- C. cáo, dơi, chồn, cú mèo.
- D. cáo, chồn, cú mèo.

Câu 35: Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi:

- A. chúng cung cấp nơi ở cho các sinh vật khác
- B. chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.
- C. chúng cung cấp dinh dưỡng cho các sinh vật khác.
- D. chúng tạo ra nơi ở cho các sinh vật khác.

Câu 36: Tảo gây tử vong cho nhiều loài tôm, cá... bằng cách tiết chất độc vào môi trường nước gây hiện tượng thủy triều đỏ thuộc quan hệ:

- A. đối địch
- B. sinh vật này ăn sinh vật khác
- C. ức chế - cảm nhiễm
- D. cạnh tranh

Câu 37: Thực vật nào sau đây có khả năng chịu hạn kém?

- A. Cây xoài
- B. Cây xương rồng
- C. Cây rêu
- D. Cây bắp cải

Câu 38: Người ta dùng biểu đồ hình tháp để biểu diễn:

- A. thành phần nhóm tuổi của quần thể.
- B. tỷ lệ giới tính của quần thể.
- C. sự phân bố của quần thể.
- D. mật độ quần thể.

Câu 39: Hậu quả dẫn đến từ sự gia tăng dân số quá nhanh là:

- A. thiếu lương thực, thiếu nơi ở, trường học và bệnh viện.
- B. nguồn tài nguyên ít bị khai thác hơn.
- C. điều kiện sống của người dân được nâng cao hơn.
- D. trẻ được hưởng các điều kiện để học hành tốt hơn.

Câu 40: Cây sống nơi ẩm ướt, thiếu ánh sáng thường có đặc điểm:

- A. phiến lá mỏng, bản lá hẹp, mô giậu kém phát triển.
- B. phiến lá dày, bản lá hẹp, mô giậu kém phát triển.
- C. phiến lá dày, bản lá hẹp, mô giậu phát triển.
- D. phiến lá mỏng, bản lá rộng, mô giậu kém phát triển.